

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/02/2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Giang.

2. Bà Y Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Khuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh A B, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân L trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh A B tự nguyện kết hôn với nhau, khi kết hôn có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/11/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh

phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện tại chị Nguyễn Thị Xuân L đã sống ly thân với anh A B. Trước đây chị L đã nộp đơn xin giải quyết ly hôn với anh A B nhưng vì thương con và muốn hàn gắn tình cảm nên chị đã tự nguyện rút đơn nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn.

Nay chị Nguyễn Thị Xuân L thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng không còn nguyên nhân là do anh A B không lo làm ăn, thường xuyên say xỉn bỏ mặc vợ, con; vợ chồng đã sống ly thân và không còn thương yêu, chăm sóc cho nhau. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A B.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Y Ngọc B1, sinh ngày 08/8/2021 hiện tại cháu đang ở với mẹ. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Xuân L yêu cầu giải quyết cho chị được nuôi con chung và yêu cầu anh A B cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.725.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh A B, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không đến Tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:**

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa*: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Xuân L được ly hôn với anh A B.

Về con chung: Giao con chung là Y Ngọc B1, sinh ngày 08/8/2021 cho chị Nguyễn Thị Xuân L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh A B cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.725.000 đồng/tháng. Thời gian nuôi con và cấp

dưỡng nuôi con kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thấy rằng việc Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra bị đơn anh A B đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh A B đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt anh A B theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân L và anh A B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum vào ngày 07/11/2018. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Xuân L và anh A B là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị Nguyễn Thị Xuân L trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và anh A B thường xuyên uống rượu và đánh đập chị, không chăm lo làm ăn không quan tâm gì đến gia đình vợ, con và vợ chồng đã sống ly thân. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Xuân L khẳng định hiện nay giữa chị và anh B không có tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, không quan tâm chăm sóc cho nhau, anh A B đã bỏ mặc vợ, con và không thay đổi tính tình nên chị tha thiết xin được ly hôn với anh A B để ổn định cuộc sống và chăm sóc con. Hội đồng xét xử thấy rằng, vào tháng 7 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà đã thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình số 21/2024/TLST-HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị Nguyễn Thị Xuân L và anh A B. Nhưng sau đó chị Nguyễn Thị Xuân L muốn cho anh B cơ hội sửa chữa và đã rút đơn, đình chỉ vụ án. Nhưng đến nay tình cảm vợ chồng không cải

thiện, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ nhau. Như vậy, có thể thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Xuân L và anh A B không còn, mục đích hôn nhân hiện không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân L và anh A Ban là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Xuân L có nguyện vọng được nuôi con chung là Y Ngọc B1, sinh ngày 08/8/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu anh A B cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.725.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị Nguyễn Thị Xuân L đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Y Ngọc B1; hơn nữa cháu B1 lại là con gái và đang còn nhỏ. Vì vậy, căn cứ Điều 58, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung Y Ngọc B1, sinh ngày 08/8/2021 cho chị Nguyễn Thị Xuân L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh A B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Xuân L. Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, anh A B đang ở độ tuổi lao động có thu nhập, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: “*cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Vì vậy, việc chị Nguyễn Thị Xuân L yêu cầu anh A B cấp dưỡng nuôi con chung 1.725.000 đồng/tháng là phù hợp với hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và quy định tại Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng. Vì vậy, căn cứ vào các quy định của pháp luật buộc anh A B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.725.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh A B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xứ: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Xuân L được ly hôn với anh A B.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Y Ngọc B1, sinh ngày 08/8/2021 cho chị Nguyễn Thị Xuân L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh A B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.725.000 đồng/01 tháng (*Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng trên một tháng*). Thời gian nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh A B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Xuân L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh A B không thi hành đủ khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị Nguyễn Thị Xuân L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001442 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Anh A B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Tiến